

Bản án số: **05** /2017/KDTM-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v Tranh chấp HĐ mua bán điện.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Tiến Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Tô Mạnh Hà – Thư ký Tòa án Huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà:

Bà Phạm Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2016/TLST-KDTM ngày 26/2/2016 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐST-KDTM ngày 02/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty ĐL - Địa chỉ: Đường Đ, phường L, quận H, thành phố Hà Nội – Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T (*Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc*) – Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Ngọc T, ông Bùi Quang H – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955 (*Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q*) - Trú tại: Thôn M, xã H, Huyện C, thành phố Hà Nội – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã H (Huyện C) - Người đại diện theo pháp luật: ông **Phùng Xuân T**, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H - **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông **Nguyễn Ngọc P**, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã H – Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T (*thành viên hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q*); Trú tại: Thôn M, xã H, Huyện C, thành phố Hà Nội – Có mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1981 (*thành viên hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q*); Trú tại: Thôn M, xã H, Huyện C, thành phố Hà Nội – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2015 và các lời khai - Người đại diện của Tổng Công ty ĐL (gọi tắt là Công ty ĐL) trình bày: Ngày 25/01/2008, ĐL Hà Tây thuộc Công ty ĐL 1 (*nay là Tổng Công ty ĐL Thành phố Hà Nội*) ký kết **hợp đồng kinh tế mua bán điện số 08/K00059** (*gọi tắt là Hợp đồng mua bán điện số 08*) kèm theo các phụ lục số I, II, III với **Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q** do ông Nguyễn Văn Q đại diện. Theo Hợp đồng mua bán điện số 08 thì hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q là bên mua điện (*điện sinh hoạt, sản xuất nông thôn*) theo giá điện bán buôn (*do Nhà nước quy định*) để cung cấp điện (bán lẻ) cho nhân dân trên địa bàn xã H (Huyện Chương Mỹ). Hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán hàng tháng, xác định theo chỉ số công tơ tổng; địa điểm thanh toán tại Chi nhánh điện Chương Mỹ (*Đơn vị trực thuộc Công ty ĐL 1*); trường hợp chậm thanh toán phải chịu tiền lãi chậm trả và tiền phạt do vi phạm; Hợp đồng có thời hạn 05 năm (*từ ngày 25/01/2008 đến ngày 25/01/2013*).

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 3/2009 có sự thay đổi giá điện lũy tiến bậc thang theo Thông tư số 05/2009/TT-BCT ngày 26/02/2009 của Bộ Công thương, bên mua là ông Nguyễn Văn Q đã thanh toán tiền điện theo giá mới cho đến hết tháng 7/2009. Sau đó, do ông Q không thanh toán tiền điện tháng 8/2009 nên Công ty ĐL ngừng cung cấp điện trên địa bàn xã H. UBND Huyện Chương Mỹ chỉ đạo UBND xã H giải quyết cùng hộ ông Nguyễn Văn Q thanh toán tiền điện còn nợ cho Công ty ĐL, đồng thời làm thủ tục cHển giao cho Công ty điện trực tiếp mua bán điện đối với từng hộ dân trên địa bàn xã H.

Theo đối chiếu thanh toán tiền điện, tính đến hết ngày 31/12/2009 (*thời điểm Công ty ĐL Chương Mỹ nhận bàn giao xong để trực tiếp mua bán điện đối với từng hộ dân xã H*) thì xã H còn dư nợ tiền điện như sau:

- Tháng 7/2009 trở về trước: Không còn dư nợ
- Tháng 8/2009: Tổng số tiền điện phát sinh 152.302.920 đồng
 - + Ngày 11/9/2009, ông Q trả 52.090.000 đồng
 - + Còn nợ: **100.212.920 đồng**
- Tháng 9/2009: Tổng số tiền điện phát sinh 148.100.862 đồng
 - + Ông Q trả (08 lần) 86.310.000 đồng
 - + Còn nợ: **61.790.862 đồng**.

- Tháng 10/2009: Tổng số tiền điện phát sinh 92.533.309đồng
+ UBND xã H trả (ông L): 66.340.000đồng
+ Còn nợ: **26.193.309đồng**
- Tháng 11/2009: Tổng số tiền điện phát sinh **65.021.957đồng**
- Tháng 12/2009: Tổng số tiền điện phát sinh **17.797.323đồng**
+ Ngày 25/12/2013, UBND xã H chuyển khoản trả tiền điện nợ tháng 10, 11, 12 năm 2009: **109.012.589đồng.**

Như vậy, trên địa bàn xã H chỉ còn dư nợ tiền điện của tháng 8 và tháng 9 năm 2009 với số tiền là: **162.003.782đồng.** Công ty ĐL Chương Mỹ đã nhiều lần làm việc với UBND xã H và ông Nguyễn Văn Q yêu cầu thanh toán nợ. Theo các biên bản làm việc thì UBND xã H nhận trách nhiệm thanh toán trả tiền điện từ tháng 10 đến hết tháng 12 năm 2009, ông Nguyễn Văn Q (chủ thầu điện) trách nhiệm trả tiền điện còn nợ của tháng 8 và tháng 9 năm 2009 với số tiền **162.003.782đồng** cho Tổng Công ty ĐL Hà Nội.

Ngày 27/8/2015, Tổng Công ty ĐL Hà Nội có văn bản số 3687/EVN HANOI-B01 gửi Sở Công thương Hà Nội đề nghị hòa giải tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Ngày 11/9/2015, Sở Công thương Hà Nội đã tổ chức hòa giải nhưng đại diện UBND xã H và hộ Kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q vắng mặt nên Sở Công thương Hà Nội có văn bản thông báo không tiến hành hòa giải được đề Tổng Công ty ĐL Thành phố Hà Nội thực hiện quyền khởi kiện.

Tổng Công ty ĐL Hà Nội khởi kiện yêu cầu bên mua điện là hộ ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán số tiền điện còn nợ (*tính đến ngày 25/5/2017*) là **341.366.107đồng**; trong đó nợ tiền điện là **162.003.782đồng**, tiền lãi chậm trả là **179.362.325đồng** (*lãi suất chậm trả tính theo mức lãi cho vay cao nhất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đối với tiền điện tháng 8 phát sinh chậm trả từ ngày 01/9/2009 và tiền điện nợ tháng 9 phát sinh chậm trả từ ngày 01/10/2009*).

2. Bị đơn – Ông Nguyễn Văn Q (Chủ hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q)
xác nhận và trình bày: Ngày 25/01/2008, ông có thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán điện số 08 kèm theo các phụ lục số I, II, III với thỏa thuận mua điện của ĐL Hà Tây (thuộc Công ty ĐL 1) để cung cấp điện sinh hoạt nông thôn(bán lẻ) cho từng hộ dân trên địa bàn xã H (Huyện Chương Mỹ) như nội dung trình bày của đại diện Tổng Công ty ĐL là đúng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, đến tháng 3/2009 có sự điều chỉnh giá theo điện mới (*phương pháp lũy tiến bậc thang*) thì có nhiều hộ dân phản đối không

nộp tiền điện theo giá mới. Tuy nhiên, ông Q vẫn thực hiện thanh toán trả tiền điện theo Hợp đồng cho Công ty điện Chương Mỹ đến hết tháng 7/2009. Do ông không trả được tiền điện tháng 8/2009 nên bị bên bán điện là Công ty ĐL cắt điện trên địa bàn xã H (*cắt điện lần đầu vào cuối tháng 7/2009, cắt điện lần hai vào tháng 10/2009*). Trước phản ứng của nhân dân về việc bị cắt điện, theo yêu cầu của UBND xã H, trong tháng 9/2009 ông đã cung cấp cho UBND xã toàn bộ sổ sách thu tiền điện để xã hỗ trợ thu hồi nợ đọng tiền điện trong nhân dân. Trong tháng 10/2009, UBND xã H đã thành lập các tổ công tác hỗ trợ thu tiền điện của các hộ dân để trực tiếp trả cho Công ty ĐL Chương Mỹ. Theo đối chiếu của Công ty ĐL Chương Mỹ thì trên địa bàn xã H còn nợ tiền điện của tháng 8 và tháng 9 năm 2009 với số tiền là : **162.003.782đồng**.

Trước yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty ĐL, ông Nguyễn Văn Q cho rằng việc ông không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng đã ký kết là do người dân phản đối không nộp tiền theo giá điện mới lũy tiến bậc thang và khi xảy ra sự cố ngừng cung cấp điện thì ông Q đã dừng không thu tiền điện từ tháng 9/2009 để chuyển cho UBND xã H hỗ trợ thu hồi tiền điện; ông Q đề nghị UBND xã H làm rõ số tiền điện đã thu của các hộ dân và hỗ trợ cùng ông đi thu tiền điện các hộ dân còn nợ để thanh toán trả cho Tổng Công ty ĐL Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Đại diện UBND xã H trình bày: Đại diện UBND xã H xác nhận nội dung trình bày của đại diện Tổng Công ty ĐL Hà Nội về việc mua bán điện với hộ ông Nguyễn Văn Q theo Hợp đồng mua bán điện số 08 ngày 25/01/2008 là đúng. Do ông Q không thanh toán tiền điện tháng 8 năm 2009 bị Công ty điện lực cắt điện. Trước sự phản ứng của nhân dân về việc bị cắt điện, UBND Huyện Chương Mỹ đã chỉ đạo UBND xã H làm việc với ông Nguyễn Văn Q để xác định rõ trách nhiệm về tình hình nợ đọng tiền điện, đồng thời hỗ trợ thu tiền điện tháng 10 và tiền điện nợ đọng tháng 9/2009. Cụ thể, UBND xã H đã thành lập các tổ công tác trực tiếp đi thu tiền điện của các hộ dân được **80.603.385đồng** (*UBND xã đã cung cấp danh sách thu của từng hộ cho Tòa án để chứng minh và công khai cho ông Q biết*), trong đó:

+ Thu tiền điện tháng 10/2009 là **55.887.610đồng**

+ Thu tiền điện tháng 9/2009 là **15.750.557đồng**

+ Thu tiền điện tháng 8/2009 là **712.678đồng**.

- Số tiền điện đã thu của các hộ được ông Phùng Xuân L thủ quỹ của UBND xã H nộp cho Công ty ĐL Chương Mỹ là **66.340.000đồng**, cụ thể:

+ Ông L nộp theo hóa đơn số 2502 ngày 31/10/2009 (lý do nộp : Tiền điện tháng 10/2009) số tiền là **30.000.000đồng**.

+ Ông L nộp theo hóa đơn số 2541 ngày 09/11/2009 (lý do nộp: Tiền điện) số tiền là **36.340.000đồng**.

- Ngoài ra, UBND xã H được UBND Huyện Chương Mỹ hỗ trợ thanh toán tiền điện còn nợ trong tháng 10, 11, 12/2009 với số tiền: **109.012.589đồng**.

Về trách nhiệm trả số tiền điện còn nợ được UBND xã H và ông Nguyễn Văn Q phân định hộ ông Nguyễn Văn Q phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền điện từ tháng 9/2009 trở về trước; UBND xã H chịu trách nhiệm thanh toán tiền điện từ tháng 10/2009 đến hết tháng 12/2009. Theo đó thì UBND xã H thực hiện thanh toán xong trả Công ty ĐL Chương Mỹ với số tiền là **235.352.589đồng**; phân nghĩa vụ tiền điện trong tháng 8 – 9/2009 với số tiền **162.003.782đồng** thuộc về ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán trả cho Tổng Công ty ĐL.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị T (thành viên hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q) trình bày: Việc chồng bà là ông Nguyễn Văn Q có ký kết Hợp đồng mua bán điện số 08 ngày 25/01/2008 với Công ty ĐL 1 là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng do các hộ dân trong xã không thanh toán tiền điện theo giá lũy tiến bậc thang (áp dụng từ tháng 3/2009) dẫn đến việc nợ đọng tiền điện trong các hộ dân nhưng ông Q vẫn ứng tiền của gia đình để thanh toán đến hết tháng 7/2009 cho Công ty ĐL Chương Mỹ. Do gia đình bà không thể trả được tiền điện tháng 8/2009 bị Công ty ĐL ngừng cung cấp điện thì UBND xã H có mời ông Q ra làm việc, yêu cầu bàn giao toàn bộ sổ sách thu nợ tiền điện cho xã giải quyết. Sau đó xã có lập các đoàn đi thu tiền điện nhưng gia đình bà không biết kết quả thu thế nào đề nghị Tòa án phân định rõ trách nhiệm trả nợ tiền điện còn nợ giữa ông Q và UBND xã H.

5. Ý kiến thống nhất của các đương sự: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự trình bày thống nhất về nội dung thỏa thuận theo Hợp đồng mua bán điện số 08 cùng các phụ lục số I, II, III ngày 25/01/2008 đã ký kết và thống nhất xác định số tiền điện đã đối chiếu còn nợ Tổng Công ty ĐL thành phố Hà Nội là **162.003.782đồng**, trong đó: Tiền điện tháng 8/2009 nợ **100.212.920đồng**; Tiền điện tháng 9/2009 nợ **61.790.862đồng**.

6. Ý kiến không thống nhất của các đương sự:

6.1. Ý kiến đại diện Tổng Công ty ĐL thành phố Hà Nội: Tổng Công ty ĐL thành phố Hà Nội giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán theo Hợp đồng mua bán điện số 08 cùng các phụ lục Hợp đồng số I,

II, III ngày 25/01/2008 đã ký kết với số tiền điện còn nợ (*tính đến ngày 25/5/2017*) là **341.366.107đồng**; trong đó tiền gốc là **162.003.782đồng**, tiền lãi chậm trả là **179.362.325đồng**. Trường hợp ông Nguyễn Văn Q thanh toán ngay được số tiền điện gốc còn nợ là **162.003.782đồng** thì Tổng Công ty ĐL Hà Nội sẽ miễn giảm tiền lãi phát sinh.

6.2. Ý kiến của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn K:
Do phía Công ty ĐL áp dụng giá điện mới không đúng thời điểm bởi theo Q định số 21 của Thủ tướng Chính phủ cho phép tạm thời áp dụng theo giá điện cũ, chậm nhất đến ngày 01/9/2009 phải chuyển sang giá điện bậc thang nhưng Công ty ĐL áp dụng giá bậc thang cho hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q từ 01/3/2009. Do áp dụng giá bậc thang của Công ty ĐL không đúng nên nhiều hộ dân phản đối không nộp tiền điện, hộ ông Nguyễn Văn Q không có lỗi dẫn đến nợ đọng tiền điện thì không phải chịu trách nhiệm trả nợ. Trường hợp Công ty ĐL muốn đòi tiền điện nợ đọng thì cùng với hộ ông Q đi đòi tiền điện của các hộ dân còn nợ trên địa bàn xã H để thanh toán.

6.3. Ý kiến của đại diện UBND xã H: Trách nhiệm thanh toán tiền điện còn nợ trong tháng 8, 9/2009 đã được phân định rõ thuộc về ông Nguyễn Văn Q theo Hợp đồng mua bán điện số 08 ngày 25/01/2008 đã ký kết. Theo đó, UBND xã H có trách nhiệm đối với số tiền điện đã thu của các hộ dân trong tháng 9/2009 là 15.750.557đồng và tháng 8/2009 là 712.678đồng, cộng 16.463.000đồng để trả cho Công ty ĐL.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện C phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

7.1. Về tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong các đương sự có anh Nguyễn Văn K không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7.2. Về việc giải Q vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty ĐL thành phố Hà Nội, đề nghị buộc hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q và UBND xã H phải cùng thực hiện nghĩa vụ thanh toán Tổng Công ty ĐL thành phố Hà Nội số tiền điện còn nợ trong tháng 8, tháng 9 năm 2009 với số tiền còn nợ là **162.003.782đồng**; phân định trách nhiệm thì UBND xã H phải thanh toán trả 16.463.000đồng tiền điện và tiền lãi phát sinh; ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán trả 145.540.782 đồng tiền điện và tiền lãi phát sinh.

- Đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Nhận định về tố tụng

Quan hệ pháp luật xác định trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán điện giữa Pháp nhân là Tổng Công ty ĐL (*Pháp nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty điện lực 1*) và hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q (*có đăng ký kinh doanh lĩnh vực ĐL*), nhằm mục đích lợi nhuận. Về điều kiện khởi kiện thì tranh chấp giữa các bên đã được Sở Công thương thành phố Hà Nội hòa giải theo quy định của Luật ĐL nhưng không thành. Tòa án nhân dân Huyện Chương Mỹ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 30 và các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Nhận định về nội dung

Hợp đồng kinh tế mua bán điện số 08/K00059 ngày 25/01/2008 (*gọi tắt là Hợp đồng mua bán điện số 08*) kèm theo các phụ lục số I, II, III được các bên thừa nhận cùng tham gia ký kết; hình thức và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp quy định pháp luật về hợp đồng nói chung và quy định của Luật điện lực năm 2004 về hợp đồng mua bán điện nên có hiệu lực để thực hiện. Do bên mua điện là hộ kinh doanh Nguyễn Văn Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tổng Công ty ĐL (*Pháp nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty điện lực 1*) khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện còn nợ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thống nhất ý kiến với nhau về số tiền điện còn nợ đã được đối chiếu theo hợp đồng số 08 là **162.003.782 đồng** (*tiền điện tháng 8, tháng 9 năm 2009*), nhưng trước yêu cầu thanh toán của Tổng Công ty ĐL thì bên có nghĩa vụ không nhất trí và thống nhất được về trách nhiệm thanh toán. Xét ý kiến còn tranh chấp về trách nhiệm phải thanh toán theo Hợp đồng mua bán điện số 08 ngày 25/01/2008 thì thấy:

Tại Điều 3 Hợp đồng mua bán điện số 08 được các bên thỏa thuận về giá mua bán điện và phương thức thanh toán như sau: 3.1. **Giá mua bán điện:** “*Giá mua bán điện thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước... Khi Nhà nước thay đổi giá bán điện, hai bên phải áp dụng biểu giá mới và không nhất thiết phải ký lại hợp*

đồng”. 3.2. **Phương thức thanh toán tiền điện:** “ Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày ghi chỉ số công tơ, bên mua điện có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền điện theo hóa đơn đã phát hành...quá thời hạn chưa thanh toán phải trả tiền lãi chậm trả cho bên bán điện. Khi bên bán điện đã thông báo 3 lần mà bên mua điện vẫn không thanh toán thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo đầu tiên, bên bán điện có quyền ngừng cung cấp điện”. Như vậy, trong quan hệ mua bán điện được xác lập theo Hợp đồng mua bán điện số 08 thì bên mua điện là ông Nguyễn Văn Q lấy lý do áp dụng giá điện lũy tiến bậc thang từ tháng 3/2009 (theo Thông tư số 05/2009/TT-BCT ngày 26/02/2009 của Bộ Công thương) nên không thu được tiền điện của các hộ dân xã H để thanh toán trả Công ty điện lực là không đúng với thỏa thuận về giá điện và trách nhiệm, phương thức thanh toán tiền điện trong hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, xét ở góc độ kinh doanh thì quan hệ mua bán lẻ điện sinh hoạt nông thôn giữa ông Nguyễn Văn Q với các hộ dân sử dụng điện trên địa bàn xã H là quan hệ hợp đồng khác, nếu có hộ dân không trả tiền điện thì ông Q có quyền đòi hoặc khởi kiện về quan hệ hợp đồng mua bán lẻ điện sinh hoạt nông thôn đối với từng hộ còn nợ; trường hợp do thay đổi giá điện dẫn đến kinh doanh thua lỗ thì ông Q có quyền đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được quy định rõ tại Điều 12 của Hợp đồng mua bán điện số 08. Theo đó, khi Hợp đồng mua bán điện số 08 đang có hiệu lực thực hiện thì trách nhiệm thanh toán tiền điện được xác định thuộc về bên mua điện là ông Nguyễn Văn Q.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng do ông Q không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền điện dẫn đến việc Công ty điện lực ngừng cung cấp điện (Cắt điện lần 1 ngày 31/7/2009 và cắt điện lần 2 ngày 7/10/2009), UBND xã H phải can thiệp giải Q, hỗ trợ thu hồi tiền điện của các hộ dân trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến hết tháng 12/2009 (thời điểm 31/12/2009 bàn giao xong cho Công ty điện lực trực tiếp bán điện cho nhân dân xã H) nên có phần trách nhiệm của UBND xã H liên quan đến phần hỗ trợ thu này. Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện UBND xã H đã trực tiếp thu tiền điện thông qua các tổ công tác và được UBND Huyện Chương Mỹ hỗ trợ kinh phí để trả tiền điện là: **181.363.443 đồng** (Cụ thể: Tháng 10/2009 thu được: **55.887.610đồng**; Tháng 9/2009 thu được: **15.750.557đồng**; Tháng 8/2009 thu được: **712.678đồng**; UBND Huyện Chương Mỹ hỗ trợ thanh toán tiền điện tháng 10, 11, 12/2009: **109.012.589đồng**); UBND xã H đã nộp và chuyển khoản trả cho Công ty điện lực số tiền: **175.352.589 đồng** (Ông L thủ quỹ nộp 02 lần 66.340.000đồng; chuyển khoản tiền Huyện hỗ trợ 109.012.589đồng). Như vậy, số tiền điện UBND xã H trực tiếp thu của các hộ dân nhưng chưa nộp cho Công ty điện lực là: **6.010.854**

đồng. Tại phiên tòa, đại diện UBND xã H nhận trách nhiệm trả Tổng Công ty ĐL Hà Nội số tiền điện đã thu của các hộ dân trong tháng 9/2009 là **15.750.557đồng** và tháng 8/2009 là **712.678đồng**, tổng cộng **16.463.000đồng** là phù hợp với số tiền thực tế đã thu và phân định nghĩa vụ trả nợ giữa UBND xã và ông Nguyễn Văn Q.

Như vậy, về nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền điện đã đối chiếu và chốt nợ theo Hợp đồng mua bán điện số 08 được xác định như sau:

- Tiền điện nợ tháng 8/2009 là **100.212.920đồng**: Ông Q có trách nhiệm trả **99.500.242đồng**; UBND xã H có trách nhiệm trả **712.678đồng**

- Tiền điện nợ tháng 9/2009 là **61.790.862đồng**: Ông Q có trách nhiệm trả **46.040.305đồng**; UBND xã H có trách nhiệm trả **15.750.557đồng**

Xét yêu cầu về thanh toán tiền lãi chậm trả của Tổng Công ty ĐL thì thấy: Tại điểm d mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng mua bán điện số 08 được các bên thỏa thuận: “*Bên mua điện phải trả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng Công thương Hà Tây do bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán*”. Thỏa thuận này phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 20 Luật điện lực năm 2004 “ 2. *Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện. 4. Lãi suất của số tiền chậm trả hoặc thu thừa do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán*”. Trên cơ sở đó, đại diện Tổng Công ty điện lực Hà Nội yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền điện chậm thanh toán theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Lạc là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật điện lực 2004 và thông báo lãi suất của Ngân hàng Công thương thì mức lãi suất quá hạn được áp dụng tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử) là 12,5%/ năm (1,04%/tháng; 0,03%/ngày); thời hạn chậm trả tiền điện tháng 8/2009 được tính từ ngày 01/9/2009 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2017) là **7 năm 10 tháng 10 ngày**; thời hạn chậm trả tiền điện tháng 9/2009 được xác định từ ngày 01/10/2009 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2017) là **7 năm 9 tháng 10 ngày**. Theo đó, tiền lãi suất quá hạn xác định theo trách nhiệm phải trả tiền điện còn nợ của ông Nguyễn Văn Q và UBND xã H như sau:

- **Tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền điện chậm thanh toán của ông Nguyễn Văn Q là: 146.371.593 đồng**

+ Tiền lãi chậm trả đối với tiền điện tháng 8/2009: $(99.500.242\text{đồng} \times 12,5\%/năm \times 7 \text{ năm}) + (99.500.242\text{đồng} \times 1,04\%/tháng \times 10 \text{ tháng}) + (99.500.242\text{đồng} \times 0,03\%/ngày \times 10 \text{ ngày}) = 100.395.744 \text{ đồng}$

+ Tiền lãi chậm trả đối với tiền điện tháng 9/2009: $(46.040.305\text{đồng} \times 12,5\%/năm \times 7 \text{ năm}) + (46.040.305\text{đồng} \times 1,04\%/tháng \times 9 \text{ tháng}) + (46.040.305\text{đồng} \times 0,03\%/ngày \times 10 \text{ ngày}) = 45.975.849 \text{ đồng}$

+ Cộng tiền lãi chậm trả của tiền điện tháng 8, 9 năm 2009: **146.371.593 đồng**

- Tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền điện chậm thanh toán của UBND xã H là: 16.447.689 đồng.

+ Tiền lãi chậm trả đối với tiền điện tháng 8/2009: $(712.678\text{đồng} \times 12,5\%/năm \times 7 \text{ năm}) + (712.678\text{đồng} \times 1,04\%/tháng \times 10 \text{ tháng}) + (712.678\text{đồng} \times 0,03\%/ngày \times 10 \text{ ngày}) = 719.183 \text{ đồng}$

+ Tiền lãi chậm trả đối với tiền điện tháng 9/2009: $(15.750.557\text{đồng} \times 12,5\%/năm \times 7 \text{ năm}) + (15.750.557\text{đồng} \times 1,04\%/tháng \times 9 \text{ tháng}) + (15.750.557\text{đồng} \times 0,03\%/ngày \times 10 \text{ ngày}) = 15.728.506 \text{ đồng}$

+ Cộng tiền lãi chậm trả của tiền điện tháng 8, 9 năm 2009: **16.447.689 đồng**

Như vậy, ông Nguyễn Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền điện cho Tổng Công ty điện lực Hà Nội số tiền **291.912.140 đồng** (*145.540.547 đồng tiền điện và 146.371.593 đồng tiền lãi do chậm thanh toán*); UBND xã H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền điện cho Tổng Công ty điện lực Hà Nội số tiền **32.910.924 đồng** (*16.463.235 đồng tiền điện và 16.447.689 đồng tiền lãi do chậm thanh toán*).

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Ông Nguyễn Văn Q và UBND xã H phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty ĐL được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Huyện Chương Mỹ tại phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 20, Điều 22, Điều 23 Luật điện lực năm 2004.

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty ĐL.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Q và UBND xã H phải thanh toán tiền điện còn nợ trong tháng 8 và tháng 9 năm 2009 cho Tổng Công ty ĐL theo Hợp đồng kinh tế mua bán điện số 08/K00059 ngày 25/01/2008 kèm theo các phụ lục số I, II, III, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền điện cho Tổng Công ty điện lực Hà Nội số tiền **291.912.140 đồng** (*145.540.547 đồng tiền điện và 146.371.593 đồng tiền lãi do chậm thanh toán*);

- UBND xã H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền điện cho Tổng Công ty ĐL Hà Nội số tiền **32.910.924 đồng** (*16.463.235 đồng tiền điện và 16.447.689 đồng tiền lãi do chậm thanh toán*);

3. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí:

- Ông Nguyễn Văn Q phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 14.595.600đồng.

- UBND Xã H phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 2.000.000đồng.

- Hoàn trả Tổng Công ty ĐL số tiền 7.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 2758 ngày 23/02/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Chương Mỹ.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND Huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS Huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Trường